HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 30 tháng 5 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thành lập và chính sách hỗ trợ đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 19
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghịđịnh số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNVngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số

14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; Thông tư số 19/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 Ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, hỗ trợ đóng bảo hiểm đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và các khoản chi khác bảo đảm hoạt động của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 76/BC-BPC ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và Báo cáo số 234/BC-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên và chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

3. Các nội dung, mức hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tiêu chí thành lập: Mỗi thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí về số lượng thành viên:

a) Thôn có từ 350 hộ, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 04 thành viên, gồm 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 02 Tổ viên;

b) Các thôn, tổ dân phố còn lại, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 03 thành viên, gồm 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 01 Tổ viên.

Điều 3. Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Hỗ trợ thường xuyên hằng tháng:

a) Thôn, tổ dân phố đạt chuẩn quy mô số hộ gia đình trở lên, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ: Tổ trưởng: 1.400.000 đồng/người/tháng; Tổ phó: 1.300.000 đồng/người/tháng; Tổ viên: 1.200.000 đồng/người/tháng;

b) Thôn, tổ dân phố chưa đạt chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ: Tổ trưởng: 1.300.000 đồng/người/tháng; Tổ phó: 1.200.000 đồng/người/tháng; Tổ viên: 1.100.000 đồng/người/tháng;

c) Căn cứ xác định số thôn, tổ dân phố đạt chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế:

a) Ngoài chế độ hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ thêm 10% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định của Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ;

b) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm y tế, nhưng tổng mức hỗ trợ của Trung ương và địa phương không vượt quá 100% mức đóng;

c) Trường hợp thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự không tham gia hoặc không thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế thì không được hưởng kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo Nghị quyết này.

3. Mức bồi dưỡng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi được cấp có thẩm quyền phân công, điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ:

a) Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, được hưởng mức bồi dưỡng bằng 01 giờ làm việc ngày thường x 200% x số giờ làm thêm thực tế; khi làm nhiệm vụ vào ngày lễ, được hưởng mức bồi dưỡng bằng 01 giờ làm việc ngày thường x 300% x số giờ làm thêm thực tế;

b) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bồi dưỡng tiền làm thêm giờ quy định tại điểm a khoản này không vượt quá 200 giờ/người/năm. Cách tính mức bồi

dưỡng 01 giờ làm việc ngày thường là mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng của người đó chia cho 26 ngày và chia cho 08 giờ;

c) Khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hưởng mức bồi dưỡng bằng 50.000 đồng/người/ngày; trường hợp làm việc dưới 04 giờ thì được hưởng mức bồi dưỡng bằng 30.000 đồng/người/ngày. Căn cứ xác định công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và Thông tư số 19/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 Ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi được phân công, điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết thì được hưởng hỗ trợ

1. Khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập (từ phòng khám đa khoa khu vực trở lên) được hỗ trợ tiền ăn hằng ngày trong thời gian điều trị nội trú (kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện) bằng 54.000 đồng/người/ngày.

2. Trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế thì được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho đối tượng này khi tham gia bảo hiểm y tế.

3. Trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất bằng 50.400.000 đồng; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 14.000.000 đồng.

Điều 5. Kinh phí thực hiện: Do ngân sách tỉnh bảo đảm.

Điều 6. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, Kỳ họp thứ 19 (Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm: Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 Quy định số lượng, chế độ đối với Công an xã bán chuyên trách khi thực hiện Luật Công an nhân dân năm 2018 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh; Các chức danh, mức phụ cấp đốivới lực lượng Bảo vệ dân phố được quy định tại số thứ tự 12, 13 khoản 1 Điều 2; số thứ tự 3, 4 khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 Ban hành Quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ, ngành: Tài chính, Nội vụ, Quốc phòng, Công an, Y tế, BHXH Việt Nam;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVI;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- TT: HĐND, UBND cấp huyện;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VP;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường